

Số:02/2017/QĐST-VDS

Ngày: 14/9/2017.

V/v “Yêu cầu xác định quyền sở hữu,
quyền sử dụng tài sản chung để thi
hành án”.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần những người tiến hành phiên họp sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Thọ;
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Ông Vi Văn Cảnh.
- Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, tiến hành mở phiên họp để giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2017/TLST – VDS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chung để thi hành án” giữa:

Người yêu cầu: Chị Vũ T M, sinh năm: 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Phố Đ N, thị trấn C G, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đỗ Thị M T, sinh năm: 1971(Vắng mặt);
 2. Anh Vũ T H, sinh năm: 1969 (Vắng mặt);
 3. Ông Phạm V T, sinh năm: 1966 (Vắng mặt);
 4. Anh Vũ Đình D, sinh năm: 1971 (Vắng mặt);
 5. Chị Lưu T T, sinh năm: 1973 (Vắng mặt);
 6. Chị Nguyễn T T, sinh năm: 1968 (Vắng mặt);
 7. Ông Vũ Đ Đ, sinh năm: 1966 (Vắng mặt);
- Đều cùng địa chỉ: Phố Đ N, thị trấn C G, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
8. Chị Vũ T T, sinh năm: 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm Đình, Thôn T Đ, xã T P, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

9. Chi nhánh Ngân hàng NN và PTNN huyện Y T, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Mạnh S, Giám đốc đại diện.

Địa chỉ: Phố H H T, thị trấn C G, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản ngày 13 tháng 01 năm 2017 chị Vũ T M trình bày:

Căn cứ quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2016/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2016. Căn cứ quyết định thi hành án số 225/DS - QĐCCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Chị Đỗ Thị M T pH trả cho chị Vũ T M và ông Phạm V T 791.000.000đ (Bảy trăm chín mươi một triệu đồng) và lãi suất chậm thi hành án. Vợ chồng anh H, chị T có tài sản là thửa đất số 17, tờ bản đồ 12 diện tích 219,1m² và thửa đất số 13, tờ bản đồ 12 diện tích 116,6m² và các tài sản trên đất là nhà ở, cây trồng, công trình phụ. Chị M yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của anh H, chị T trong khối tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 6 năm 2017 ông Phạm V T trình bày: ông là chồng của chị Vũ T M, việc chị M làm đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của vợ chồng anh Vũ T H và chị Đỗ Thị M T tại thửa đất 13, thửa đất 17 cùng tờ bản đồ 12 và các tài sản gắn liền trên đất, Ông đồng ý với yêu cầu của chị M, ông đề nghị Tòa án giải quyết việc theo quy định của pháp luật, ông không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai không ghi ngày tháng (bút lục 54, 55), các tài liệu khác có trong hồ sơ chị Đỗ Thị M T trình bày: Chị có nhiều lần vay tiền của chị Vũ T M là có thật. Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2016/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, chị nợ chị M 791.000.000đ (Bảy trăm chín mươi một triệu đồng) và lãi suất chậm thi hành án. Năm 2013 gia đình chị làm nhà, trước đó chị không làm ra kinh tế, tất cả kinh tế gia đình đều do anh Vũ T H lo liệu, vì vậy chị không có quyền lợi gì về tài sản. Việc chị vay tiền của chị M là vay trước khi làm nhà và không sử dụng vào việc làm nhà. Chị là người ký nhận vay tiền của chị M chị có trách nhiệm thanh toán, không liên quan gì đến anh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 7 năm 2017 anh Vũ T H trình bày: Việc chị Đỗ Thị M T vay tiền của chị Vũ T M anh không biết, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2016/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2016. Chị M yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của anh và chị T bao gồm các tài sản đã được Tòa án xem xét thẩm định

tại chỗ là tài sản của anh, chị T và con gái anh là chị Vũ T T. Từ năm 2012 chị Tr đã có việc làm, làm ra kinh tế và gửi tiền về cho vợ chồng anh, trong khối tài sản chung có công sức đóng góp của chị Tr.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2017 chị Vũ T T trình bày:

Chị là con của anh Vũ T H và chị Đỗ Thị M T. Từ tháng 02 năm 2012 đến tháng 11 năm 2014 chị đã đi làm tại công ty Canon Quế Võ, Bắc Ninh, lương tháng Từ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng), hàng tháng chị gửi tiền về cho bố mẹ Từ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Tháng 11 năm 2014 chị lấy chồng, sau khi lấy chồng chị đưa cho anh H và chị T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tất cả số tiền chị đưa cho anh H và chị T chị không biết bố mẹ dùng vào việc gì. Chị không biết chị có đóng góp gì vào tài sản hiện tại của bố mẹ hay không.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 8 năm 2017 anh Vũ Đình D trình bày: Anh có thửa đất cạnh thửa đất nhà anh Vũ T H, chị Đỗ Thị M T. Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định được một phần nhà của anh H, chị T nằm trên phần đất của anh là đúng. Khi anh H xây nhà lấn sang phần đất của anh anh không biết. Nay anh vẫn nhất trí cho anh H, chị T tiếp tục ở nhờ trên một phần đất của anh, khi có nhu cầu sử dụng anh sẽ đòi anh H, chị T sau. Anh đề nghị Tòa án không xác định quyền sở hữu của anh H và chị T đối với phần đất của anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017 ông Vũ Quang Đ trình bày: Anh là anh trai của anh Vũ T H. Gia đình anh có thửa đất 15, tờ bản đồ 12 giáp đất nhà anh H. Năm 2013 anh có cho anh H mượn 179,6 m² đất tại thửa đất 15, tờ bản đồ 12, khi cho mượn giữa gia đình anh và gia đình anh H chỉ thỏa thuận miệng. Tòa án giải quyết việc dân sự xác định quyền sở hữu tài sản anh không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017 chị Nguyễn T T trình bày: Năm 2013 vợ chồng chị có thỏa thuận miệng cho vợ chồng anh H chị T mượn 179,6 m² đất tại thửa đất 15, tờ bản đồ 12. Anh H đã xây nhà trên một phần diện tích đất đã mượn của gia đình chị. Chị khẳng định diện tích đất tại thửa 15, tờ bản đồ 12 vẫn thuộc quyền sở hữu của chị và anh Đ, khi nào chị có nhu cầu sử dụng sẽ yêu cầu anh H trả lại sau. Tòa án giải quyết việc dân sự xác định quyền sở hữu tài sản anh không có yêu cầu gì, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định.

Tại văn bản số 45/NHNo- YT ngày 07 tháng 7 năm 2017, các tài liệu khác có trong hồ sơ, Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Yên Thế trình bày: Ngày 24 tháng 3 năm 2017 chị Đỗ Thị M T có ký hợp đồng tín dụng số 2508 – Lav 201700674 vay tại Agribank chi nhánh huyện Yên Thế số tiền 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng tiền gốc) thời hạn vay 12

tháng kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2017. Căn cứ hợp đồng tín dụng số 2508 – LAV 201700674 ký ngày 24 tháng 3 năm 2017 giữa chị Đỗ Thị M T và Agribank chi nhánh huyện Yên Thế, căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 24/12/TSBĐ ký ngày 24 tháng 12 năm 2014 giữa gia đình anh Vũ T H, chị Đỗ Thị M T và Agribank chi nhánh huyện Yên Thế, gia đình anh H, chị T đang nợ Agribank chi nhánh huyện Yên Thế số tiền tạm tính đến ngày 07 tháng 7 năm 2017 là: 580.006.700đ (Năm trăm tám mươi triệu không trăm linh sáu nghìn bảy trăm đồng). Agribank chi nhánh huyện Yên Thế đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế yêu cầu anh H, chị T trả nợ trước khi xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, chị Vũ T M không thay đổi yêu cầu, Chị Đỗ Thị M T, anh Vũ T H, chị Vũ T T, ông Vũ Quang Đ, chị Nguyễn T T, anh Vũ Đình D, chị Lưu T T đã được Tòa án triệu tập hai lần họp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu quan điểm về giải quyết việc dân sự, đề nghị: Áp dụng Điều 212, 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Khoản 9 Điều 27; Khoản 1 Điều 149; 361, 366, 369, 370, 371; 372 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn đề nghị của chị Vũ T M, đề nghị tuyên bố: Anh Vũ T H, chị Đỗ Thị M T mỗi người có quyền sở hữu 50% trong khối tài sản chung của gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên họp và lời trình bày của người yêu cầu, ý kiến của kiểm sát viên, Tòa án nhận định;

[1] *Về tố tụng*: Chị Đỗ Thị M T, anh Vũ T H, chị Vũ T T, ông Vũ Quang Đ, chị Nguyễn T T, anh Vũ Đình D, chị Lưu T T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, phiên họp tiến hành vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung*: Chị Đỗ Thị M T kết hôn với anh Vũ T H năm 1990 quá trình chung sống, vợ chồng anh H, chị T gây dựng được các tài sản sau: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 12 thị trấn Cầu Gò có diện tích 219,1 m², trên thửa đất có các tài sản sau: 01 nhà 02 tầng diện tích 253,68m², sân gạch diện tích 52,88 m², 01 mái làm quán bán hàng diện tích 39 m², 01 mái vẩy lợp xô xi măng diện tích 17,2 m², mái tôn diện tích 35,65 m². Thửa đất số 13, tờ bản đồ 12 thị trấn Cầu Gò có diện tích 116,6 m², trên đất có các tài sản sau: 02 cây ổi đường kính gốc 10 cm, 02 cây cóc đường kính gốc 15 cm, 01 cây móc mật đường kính gốc 5 cm, 01 cây đào đường kính gốc 5 cm, 01 cây bưởi đường kính gốc 5 cm, 01 cây sung đường kính gốc 18 cm, 01 cây sấu đường kính gốc 15 cm, 01 cây xương cá dạng cây cảnh.

[2.1] Do chị Đỗ Thị M T pH thực hiện nghĩa vụ trả nợ chị Vũ T M, ông Phạm V T số tiền 791.000.000đ (Bảy trăm chín mươi một triệu đồng) và lãi suất chậm thi hành án. Chị Vũ T M yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của chị T, anh H trong khối tài sản chung.

[2.2] Xét yêu cầu của chị M, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được gồm có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00374/QSDD/706/QĐ – UB ngày 22 tháng 8 năm 2003 (Bút lục 68) và lời khai của anh Vũ T H, chị Đỗ Thị M T cùng thừa nhận thửa đất số 13 tờ bản đồ số 12, thửa đất số 17 tờ bản đồ số 12 là tài sản chung của anh H và chị T, như vậy chị M yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của anh H và chị T là có căn cứ. Vì vậy cần xác định quyền sở hữu tài sản của chị T, anh H theo quy định tại Điều 108, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu, anh H khai, chị Tr có công sức đóng góp gây dựng, phát triển khối tài sản chung nhưng anh H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh chị Tr có công sức đóng góp phát triển khối tài sản chung. Chị Tr cũng đã được giải thích về quyền yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản nhưng chị không làm đơn yêu cầu, vì vậy không có cơ sở để xác định quyền sở hữu tài sản của chị Tr theo nội dung lời khai của anh H được.

[4] Chi nhánh Ngân hàng NN và PTNN huyện Y T yêu cầu anh H chị T pH trả nợ 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc , 10.006.700đ (M triệu không trăm linh sáu nghìn bảy trăm đồng) tiền lãi trước khi xử lý tài sản là không có căn cứ, bởi lẽ số tiền chị T, anh H nợ Chi nhánh Ngân hàng NN và PTNN huyện Y T chưa đến hạn thanh toán, trường hợp có tranh chấp thì Chi nhánh Ngân hàng NN và PTNN huyện Y T có quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Vũ T M pH chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 67; Điều 157; Điều 361; Điều 371; Điều 374 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật nhân và gia đình năm 2000; Điều 108, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết số 236/2016/NQ – UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ T M: Xác định các tài sản chung của chị Đỗ Thị M T và anh Vũ T H gồm có: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 12 thị trấn Cầu Gò có diện tích 219,1 m² và các tài sản trên đất gồm có: 01 nhà 02 tầng diện tích 253,6m²; Sân gạch diện tích 52,88 m² làm năm 2013; 01 mái làm quán diện

tích 39 m²; 01 mái vẩy lợp Pro xi măng diện tích 17,2 m²; Mái tôn diện tích 35,65 m². Thửa đất số 13, tờ bản đồ 12- Thị trấn Cầu Gò có diện tích 116,6 m² và các tài sản trên đất gồm có: 02 cây ổi đường kính gốc 10 cm; 02 cây cóc đường kính gốc 15 cm; 01 cây móc mật đường kính gốc 5 cm; 01 cây đào đường kính gốc 5 cm; 01 cây bưởi đường kính gốc 5 cm; 01 cây sung đường kính gốc 18 cm; 01 cây sấu đường kính gốc 15 cm; 01 cây xương cá dạng cây cảnh. Chị Đỗ Thị M T có 50% giá trị tài sản; anh Vũ T H có 50% giá trị tài sản.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng khác: Chị Vũ T M pH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nhưng trừ cho chị M vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp ghi tại biên lai số AA/2012/02141 ngày 15 tháng 6 năm 2017; trừ cho chị M 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, chị M đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự và tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể Từ ngày ra quyết định; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể Từ ngày nhận được quyết định hoặc Từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục T.H.A DS huyện Yên Thế;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

Nguyễn Xuân Thọ